

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST
Ngày 06-5-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phương - Là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:** Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Kim H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “có mặt”

Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977; “có mặt”

Anh Lê Tấn V, sinh năm 1973. “có mặt”

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-11-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Kim H trình bày:

Ngày 15-6-2019, chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Tấn V có vay của chị

số tiền là 35.000.000 đồng. Khi vay số tiền này, chị L có viết giấy biên nhận với nội dung: “Tôi tên: Nguyễn Thị Kim L có mượn số tiền là: 35.000.000 (ba mươi lăm triệu đồng) của chị H.”. Giấy biên nhận có chị L và anh V cùng ký tên. Hợp đồng vay không thời hạn và có lãi suất là 2%/tháng, nhưng không ghi trong giấy biên nhận. Từ ngày vay đến nay, chị L, anh V không trả tiền lãi cho chị theo thỏa thuận. Ngoài số tiền 35.000.000 đồng, chị không cho chị L, anh V vay số tiền nào khác. Việc chị L, anh V cho rằng đã trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng là không đúng. Nay chị yêu cầu chị L, anh V trả số tiền 35.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 15-6-2019 cho đến ngày Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 01 năm 2021 và biên bản hòa giải ngày 24 tháng 3 năm 2021, chị Nguyễn Thị Kim L khai:

Trong năm 2019, vợ chồng chị có vay của bà Hồ Thị Kim H số tiền là 45.000.000 đồng. Việc vay tiền được thực hiện làm 03 lần, hai lần đầu mỗi lần vợ chồng chị vay bà H 5.000.000 đồng và lần cuối cùng vay thêm số tiền 35.000.000 đồng. Mỗi lần vợ chồng chị vay tiền, bà H đều yêu cầu viết giấy biên nhận nợ. Hợp đồng vay không thời hạn và có lãi, cụ thể như sau: 10.000.000 đồng vay đầu, lãi suất là 6%/tháng. Đến ngày 13-6-2019, vợ chồng chị vay thêm 35.000.000 đồng thì bà H gộp lại với số tiền vay trước và lấy tiền lãi là 5%/tháng. Vợ chồng chị trả tiền lãi đầy đủ cho bà H từ ngày vay, nhưng mấy tháng sau này do anh V bị gãy chân không đi làm được nên chị không trả (cụ thể chị đã trả cho chị H bao nhiêu tiền lãi thì chị không nhớ), nhưng đến ngày 08-7-2020 vợ chồng chị vay được tiền của Ngân hàng nên có trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng, trong đó 45.000.000 đồng là tiền vốn và 5.000.000 đồng là tiền lãi. Khi trả tiền cho bà H, chỉ có mặt vợ chồng chị và bà H, ngoài ra không có ai khác. Do tin tưởng nên chị không yêu cầu bà H viết giấy nhận tiền. Vợ chồng chị yêu cầu bà H đưa lại giấy biên nhận nợ nhưng bà H nói để ở nhà, về bà H bỏ, nhưng sau đó bà H cầm giấy này đi khởi kiện vợ chồng chị. Do vợ chồng chị đã trả nợ cho bà H hết rồi nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Anh Lê Tấn V trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày và có cùng ý kiến với chị L

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc

chị L, anh V liên đới trả số tiền 35.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 13-6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm tương ứng với số tiền là 6.613.716 đồng.

Bị đơn thừa nhận vay chị H số tiền 35.000.000 đồng nhưng cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền này rồi nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện VKSND huyện Châu Thành phát biểu: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm giải quyết vụ án thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS 2015.

Về nội dung: Chị L, anh V thừa nhận có vay chị H số tiền 35.000.000 đồng nhưng cho rằng đã trả cho chị H số tiền này. Chị H không thừa nhận nhưng chị L, anh V không cung cấp được chứng cứ chứng minh, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kim H, buộc chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Tấn V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 35.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 13-6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H khởi kiện yêu cầu chị L, anh V trả số tiền 35.000.000 đồng, chứng cứ chị H giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là giấy biên nhận đề ngày 15-6-2019, có nội dung: *“Tôi tên: Nguyễn Thị Kim L có mượn số tiền là: 35.000.000 (ba mươi lăm triệu đồng) của chị H”*. Cuối giấy biên nhận có chị L và anh V ký tên và viết họ tên. Chị L, anh V thừa nhận ngày 15-6-2019, anh, chị có vay của chị H số tiền 35.000.000 đồng và có viết giấy mượn tiền có nội dung nói trên. Tuy nhiên, chị L và anh V cho rằng anh, chị đã trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 08-7-2020, trong đó có số tiền 35.000.000 đồng mà anh, chị đã vay của chị H ngày 15-6-2019. Chị H không thừa nhận việc chị L, anh V có trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng theo như vợ chồng chị

L trình bày, nhưng chị L, anh V không cung cấp được chứng cứ chứng minh, do đó yêu cầu của chị H về việc buộc chị L, anh V liên đới trả số tiền 35.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của chị H về việc buộc chị L, anh V trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 15-6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, thấy rằng: Chị L, anh V khai trong thời gian vay tiền của chị H, anh, chị có trả lãi theo mức lãi suất là 5%/tháng cho chị H, nhưng anh, chị không nhớ đã trả cho chị H tổng cộng bao nhiêu tiền lãi. Chị H không thừa nhận việc chị L, anh V có trả tiền lãi cho chị, nhưng chị L, anh V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ hợp đồng vay tài sản ngày 15-6-2019 giữa chị H và chị L, anh V thấy rằng, đây là hợp đồng vay không thời hạn và không có lãi. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hợp đồng vay là có lãi nhưng nguyên đơn cho rằng lãi suất là 2%/tháng, còn bị đơn cho rằng lãi suất là 5%/tháng. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Do đó, việc chị H yêu cầu chị L, anh V trả số tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 13-6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.613.716 đồng (35.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng 23 ngày) là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị L và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 41.613.716 đồng.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Tấn V phải liên đới chịu 2.080.685 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kim H. Buộc chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Tấn V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hồ Thị

Kim H số tiền 41.613.716 đồng (bốn mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Tấn V phải liên đới chịu 2.080.685 đồng (hai triệu không trăm tám mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Chị Hồ Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007797 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương